

Số: 238/QĐ-SDL

Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Sở Du lịch

**GIÁM ĐỐC SỞ DU LỊCH TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 11/12/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

**QUYẾT ĐỊNH:**

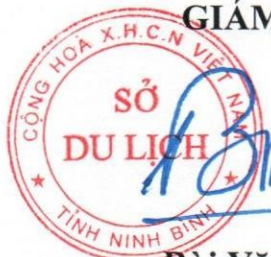
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 2022 của Sở Du lịch (Chi tiết theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, phụ trách kế toán và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính
- Lưu: VT, KT

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Bùi Văn Mạnh**

Đơn vị: **SỞ DU LỊCH NINH BÌNH**

Chương: **428**



**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 238/QĐ-SDL ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Du lịch)

*ĐVT: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN</b>	<b>18.673.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>18.673.000</b>
<b>1</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>4.811.000</b>
1.1	Tr.đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	3.923.000
1.2	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	888.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>9.810.000</b>
<b>3</b>	<b>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao</b>	<b>4.052.000</b>

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 238/QĐ-SDL ngày 20/12/2021 của Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Cơ sở tính	Số tiền
<b>A</b>	<b>KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ</b>		<b>3.923.000</b>
<b>I</b>	<b>CHI CHO CON NGƯỜI:</b>		<b>2.803.000</b>
<b>I.1</b>	<b>Biên chế CC, VC (24)</b>		<b>2.387.000</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>		<b>1.426.000</b>
-	Lương ngạch, bậc quỹ lương được duyệt (22 người)	$78,21 \times 1.490.000 \times 12 \text{th} \times 1,02$	1.426.000
<b>2</b>	<b>Phụ cấp lương</b>		<b>612.000</b>
-	PC chức vụ:	$5,8 \times 1.490.000đ \times 12 \text{ tháng}$	104.000
-	PC trách nhiệm: kế toán	$0,1 \times 1.490.000đ \times 12 \text{ tháng}$	2.000
-	PC thâm niên nghề (thanh tra)	$0,27 \times 1,02 \times 1.490.000đ \times 12 \text{ tháng}$	18.000
-	PC trách nhiệm nghề (thanh tra)	$3,11 \times 1,02 \times 1.490.000đ \times 12 \text{ tháng}$	57.000
-	PC Công vụ	th	383.000
-	Phụ cấp Đảng Ủy	$9 Đ/c \times 0,3 \times 1.490.000đ \times 12T$	48.000
<b>3</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>		<b>349.000</b>
-	BHXH(17,5%), BHYT(3%), KPCĐ(2%) (22,5%) (80,27+6,50+1,05=87,82)	$85,06 \times 1.490.000đ \times 22,5\% \times 12 \text{th} \times 1,02$	349.000
<b>I.2</b>	<b>Biên chế HD 68</b>		<b>416.000</b>
<b>1</b>	<b>Tiền lương</b>		<b>279.822</b>
-	Lương ngạch, bậc quỹ lương được duyệt (05 người)	$15,65 \times 1.490.000đ \times 12$	279.822
<b>2</b>	<b>Phụ cấp</b>		<b>70.788</b>
-	Phụ cấp thủ quỹ	$0,1 \times 1.490.000đ \times 12 \text{ tháng}$	1.788
-	Phụ cấp công vụ	$3,9125 \times 1.490.000đ \times 12 \text{th}$	69.000
<b>3</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>		<b>65.390</b>
-	BHXH(17,5%), BHYT(3%), KPCĐ(2%), BHTN(1%) (23,5%)	$279.822.000đ \times 23,5\%$	65.390
<b>II</b>	<b>CHI THEO ĐỊNH MỨC (27 chỉ tiêu biên chế)</b>	$27 \text{ người} \times 43.000.000 \text{ đ/người}$	<b>1.045.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phúc lợi tập thể</b>		<b>248.100</b>
-	Chè khô, nước lọc phục vụ họp và các phòng LĐ	$2.500.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	30.000
-	Khoán chè nước cho cán bộ	tháng	8.100
-	Mua vòng hoa hương nền đám hiếu, hoa chúc mừng	$4.000.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	48.000
-	Chi tiền tết cổ truyền và các ngày lễ lớn trong năm	$6.000.000đ/\text{ng} \times 27 \text{ người}$	162.000
<b>2</b>	<b>Dịch vụ công cộng</b>		<b>150.000</b>
-	Tiền điện	$5.000.000đ \times 12 \text{ tháng}$	60.000
-	Tiền nước	$3.000.000đ \times 12 \text{ tháng}$	36.000
-	Tiền xăng xe	$4.500.000đ \times 12 \text{ tháng}$	54.000
<b>3</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>		<b>120.960</b>
-	Văn phòng phẩm	$3.500.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	42.000
-	Vật tư văn phòng khác	$2.500.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	30.000
-	Mua dụng cụ văn phòng	$3.000.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	36.000
-	Khoán văn phòng phẩm	$27 \text{ người} \times 40.000đ/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng}$	12.960

<b>4</b>	<b>Thông tin tuyên truyền, liên lạc</b>		<b>36.600</b>
-	Cước điện thoại trong nước	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Cước bưu chính	2.000.000đ x 4 quý	8.000
-	TT khoán điện thoại cho lãnh đạo sở	650.000đ/tháng x 12 tháng	7.800
-	Cước internet	2.200.000đ/ quý x 4 quý	8.800
<b>5</b>	<b>Công tác phí</b>		<b>120.800</b>
-	Khoán công tác phí	tháng	64.800
-	Phụ cấp công tác phí	4 quý x 6.000.000đ/quý	24.000
-	Tiền lưu trú đi công tác	4 quý x 8.000.000đ/quý	32.000
<b>6</b>	<b>Chi phí thuê mướn</b>		<b>108.000</b>
-	Tiền công trả cho bảo vệ cơ quan	3.000.000đ/tháng x 12 tháng x 02 người	72.000
-	Thuê vệ sinh...	3.000.000đ/tháng x 12 tháng x 01 người	36.000
<b>7</b>	<b>Sửa chữa thường xuyên TSCĐ</b>		<b>114.000</b>
-	Sửa chữa máy điều hòa	1.500.000đ x 12 tháng	18.000
-	Sửa chữa máy vi tính	2.000.000đ x 12 tháng	24.000
-	Sửa chữa máy in, máy photo	2.000.000đ x 12 tháng	24.000
-	Sửa chữa điện nước	2.000.000đ x 12 tháng	24.000
-	Sửa chữa các thiết bị, tài sản chuyên môn khác	2.000.000đ x 12 tháng	24.000
<b>8</b>	<b>Chi khác</b>		<b>146.540</b>
-	Tiền lệ phí cầu đường	3.500.000đ x 4 quý	14.000
-	Chi mua bảo hiểm xe ô tô	02 xe x 4.500.000đ/ năm	9.000
-	Chi tiếp khách	6.000.000đ/tháng x 12 tháng	72.000
-	Trang trí cổ động trực quan các ngày lễ lớn trong năm	Tổng hợp cả năm	38.000
-	Hỗ trợ đoàn TN, công đoàn hoạt động	Tổng hợp cả năm	13.540
<b>III</b>	<b>CHI NGOÀI ĐỊNH MỨC</b>		<b>75.000</b>
	<b>Khen thưởng</b>		<b>75.000</b>
-	+ Khen thưởng tập thể DN, khách sạn, nhà hàng	25 đơn vị x 0,3 x 1.490.000đ	11.175
-	+ Khen thưởng danh hiệu CSTĐCS	15 người x 1.490.000đ	22.350
-	+ Khen thưởng danh hiệu LĐ tiên tiến	60 người x 0,3 x 1.490.000đ	26.820
-	Chi phí khác liên quan đến khen thưởng	In bằng khen, khung...	14.655
<b>B</b>	<b>KINH PHÍ KHÔNG GIAO TỰ CHỦ :</b>		<b>10.698.000</b>
<b>I</b>	<b>KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>		<b>888.000</b>
<b>1</b>	<b>Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn</b>		<b>140.000</b>
-	Máy vi tính xách tay	01 chiếc x 14.000.000đ	14.000
-	Bộ bàn ghế làm việc phòng PGĐ	01 bộ x 5.000.000đ/bộ	5.000
-	Bộ bàn ghế tiếp khách phòng PGĐ	01 bộ x 10.000.000đ/bộ	10.000
-	Tủ tài liệu phòng PGĐ	01 cái x 4.500.000đ/cái	4.500
-	Máy vi tính PGĐ	01 cái x 12.000.000đ/cái	12.000
-	Máy in	01 cái x 4.500.000đ/cái	4.500
-	Phòng họp trực tuyến	Báo giá chi tiết	90.000
<b>2</b>	<b>Sửa chữa tài sản cố định:</b>		<b>567.000</b>
-	Sửa chữa 02 xe ô tô và các tài sản thiết bị khác	Tổng hợp cả năm	27.000
-	Sửa chữa trụ sở làm việc	Theo dự toán	540.000
<b>3</b>	<b>Kinh phí hoạt động của Thanh tra sở và các đoàn kiểm tra liên ngành</b>		<b>70.500</b>
-	Chi phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ ngày nghỉ phục vụ cho các hoạt động kiểm tra	(4,45 x 1.490.000đ/176h x 15h) x 10 người x 200%	11.302
-	Xăng xe phục vụ lãnh đạo kiểm tra thường xuyên	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Thuê xe 16 chỗ phục vụ đoàn kiểm tra 05 ngày/đợt (02 đợt/năm	1.500.000đ/ngày x 5 ngày/ đợt x 2 đợt	15.000

-	Mua VPP (Bút, giấy, gim các loại), mực máy in, phô	683.000đ/tháng x 12 tháng	8.198
-	Mua, in ấn phô tô tài liệu có liên quan	500.000đ/tháng x 12 tháng	6.000
-	Chi hội nghị phục vụ công tác của đoàn kiểm tra liên	02 HN x 3.000.000đ/HN	6.000
-	Các chi phí p/vụ chuyên môn phục vụ các thành viên trong đoàn đi kiểm tra tại các huyện thị	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
<b>4</b>	<b>Kinh phí phục vụ công tác tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo</b>		<b>40.000</b>
-	Chi xăng dầu xe ô tô đi kiểm tra, xác minh	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Làm thêm giờ cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	(4,45 x 1.490.000đ/176h x30h) x 3 người x200%	6.780
-	Mua VPP, công cụ dụng cụ văn phòng phục vụ công tác tiếp dân, xử lý đơn thư.	438.000đ/tháng x 12 tháng	5.260
-	Mua, in ấn tài liệu, biểu mẫu, sách chuyên môn phục vụ công tác xử lý đơn thư	330.000đ/tháng x 12 tháng	3.960
-	Thanh toán tiền chè nước, cước phí điện thoại, bưu chính, chi phí xác minh xử lý đơn thư và các chi phí khác có liên quan	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
<b>5</b>	<b>Kinh phí phục vụ công tác cải cách hành chính</b>		<b>40.000</b>
-	Chi hỗ trợ cho CBCC đầu mối KSTTHC theo NQ 20/2013/NQ-HĐND ngày 20/12/2013 của HĐND tỉnh Ninh Bình	20,000đ/ngày x 22 ngày x 12 tháng x 02 người	10.560
-	Mua VPP, các vật tư văn phòng, mực máy in, mực máy pho tô phục vụ các nhiệm vụ đặc thù chuyên môn	750.000đ/tháng x 12 tháng	9.000
-	In, làm biên mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng của Sở, các phòng của Sở	Tổng hợp cả năm	9.440
	2 biển lớn kích thước 70cm x 100cm	2 biển x 1.000,000đ	2.000
	10 biển nhỏ kích thước 35cm x 50cm	10 biển x 300,000đ	3.000
-	Làm biển treo niêm yết các thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa	15 m <sup>2</sup> x 200,000đ x 2 cái	6.000
<b>6</b>	<b>Kinh phí duy trì hệ thống ISO</b>		<b>12.000</b>
-	Làm thêm giờ cho cán bộ tham gia trực tiếp duy trì hệ thống ISO	500.000đ/tháng x 12 tháng	6.000
-	Mua VPP, công cụ dụng cụ văn phòng phục vụ công tác duy trì hệ thống ISO	300.000đ/tháng x 12 tháng	3.600
-	Mua, in ấn tài liệu, sách chuyên môn phục vụ công tác	Tổng hợp cả năm	2.400
<b>7</b>	<b>Kinh phí duy trì phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán</b>	Thanh toán cho đơn vị cung cấp D	<b>2.500</b>
<b>8</b>	<b>Trang phục thanh tra</b>	5.333.333đ/người/năm	<b>16.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP DU LỊCH:</b>		<b>9.810.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí cho hoạt động của Ban chỉ đạo nhà nước về du lịch:</b>		<b>90.000</b>
-	Xăng dầu cho các xe ô tô phục vụ công tác đón đóc kiểm tra các khu điểm du lịch, các huyện, thành phố trong tỉnh, đi công tác, làm việc trung ương, ngoài tỉnh	Tổng hợp cả năm	20.000
-	Mua VPP, vật tư văn phòng phục vụ công tác của BCĐ	500.000đ/tháng x 12 tháng	6.000
-	Cước phí bưu chính gửi chuyển phát nhanh	500.000đ/tháng x 12 tháng	6.000
-	Hội nghị ban chỉ đạo sơ kết, tổng kết chương trình hoạt động du lịch năm 2022	02 HN x 5.000.000đ/HN	10.000
-	Chi phí phục vụ BCĐ đi công tác, khảo sát làm việc với các cơ quan trong và ngoài tỉnh	1.500.000đ/th x 12 tháng	18.000
-	Mua, in ấn tài liệu liên quan phục vụ hoạt động	500.000đ/tháng x 12 tháng	6.000

S. H. C. N  
SỞ  
J LỊCH  
NINH B

-	Chi đón tiếp và làm việc với các đoàn khách các cơ quan, ban ngành trong và ngoài tỉnh, Bộ và các tỉnh bạn đến làm việc mà Sở thay mặt BCD chủ trì đón tiếp	20 người/đoàn x 300.000đ/người	24.000
<b>2</b>	<b>Chi phí phục vụ các hoạt động về lĩnh vực du lịch</b>		<b>270.000</b>
-	Xăng xe cho các xe ô tô phục vụ công tác kiểm tra xe hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ các hoạt động thuộc lĩnh vực Du lịch trên địa bàn toàn tỉnh	220 lít /tháng x 19.500đ/lít x 12 tháng	51.480
-	Mua VPP (Bút, giấy, gim các loại)	1.000.000 đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Mua mực máy in p/vụ in ấn các loại văn bản, tài liệu liên quan	500.000 đ/tháng x 12 tháng	6.000
-	Mua mực máy phô tô phục vụ phô tô các tài liệu hướng dẫn, văn bản quy định liên quan	06 hộp x 1.000.000đ/hộp	6.000
-	Tem thư bưu chính gửi công văn	327.000 đồng/tháng x 12T	3.920
-	Thiết kế, in ấn băng rôn tuyên truyền ứng xử văn minh du lịch, các chi thị, nghị quyết về du lịch tại một số khu, điểm du lịch	băng rôn kích thước: (12m x 1m) 25 chiếc/lượt x 1.000.000 đ/ chiếc x 2 lượt	50.000
-	Tổ chức hội nghị tổng kết công tác du lịch năm 2022 và triển khai kế hoạch năm 2023 và hội nghị tổng kết an ninh du lịch mùa lễ hội: thành phần lãnh đạo UBND tỉnh, các Sở, ban ngành trong tỉnh, các doanh nghiệp, các đơn vị quản lý khu điểm du lịch trong tỉnh: dự kiến mỗi HN 300 đại biểu	- phô tô, in ấn, túi đựng tài liệu 300 ĐB x 20.000đ/ĐB = 6.000.000 đ -Nước uống: 300 ĐB x 20.000đ/ĐB = 6.000.000đ; -Trang trí khánh tiết, âm thanh, máy chiếu: 8 tr	20.000
		- Chi đón tiếp các ĐB Bộ VHTTDL, DN và các đơn vị dịch vụ DL tham dự HN 300ng x 100.000 đ	30.000
-	Phụ cấp công tác phí cho cán bộ đi công tác, tập huấn nghiệp vụ trong và ngoài tỉnh.	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Tiền lưu trú đi công tác:	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Sửa chữa phương tiện phục vụ công tác chuyên môn	1.500.000đ/tháng x 12 tháng	18.000
-	Chi đón tiếp và làm việc với các đoàn khách trung ương, bộ, ngành có liên qua và các cơ quan đơn vị tỉnh bạn, các phóng viên Báo, Đài TH, các nhà doanh nghiệp đến làm việc giao lưu với Sở về các lĩnh vực	18 người/đoàn x 300.000đ/người x 9 đoàn	48.600
<b>4</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác kiểm tra ANTT, VSMT và việc triển khai các dự án đầu tư du lịch tại các điểm, khu du lịch</b>		<b>150.000</b>
-	Chi phụ cấp làm thêm giờ, ngày nghỉ phục vụ cho các hoạt động kiểm tra	(4,45 x 1.490.000đ/176h x 30hx) 10 người x200%	23.000
-	Chi phí xăng xe phục vụ đoàn đi về trong các đợt kiểm tra trong năm	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Mua VPP (giấy, bút các loại)	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Cước phí bưu chính gửi công văn, chuyển phát nhanh..	1.000.000đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Chi hội nghị phục vụ công tác triển khai kế hoạch các đoàn kiểm tra liên ngành	2 HN x 6.000.000đ/HN	12.000
-	Chi hội nghị sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra ANTT, VSMT và việc triển khai các dự án đầu tư du lịch tại các điểm, khu du lịch	2 HN x 14.500.000đ/HN	29.000

-	Chi phí công tác phục vụ các đoàn kiểm tra đi kiểm tra các khu điểm du lịch, các địa bàn huyện thị: đoàn gồm 10 người kiểm tra 02 đợt mỗi đợt 05 ngày	(thuê xe 12 chỗ x 3.000đ/ngày; nước uống 200.00đ/ngày; Tài liệu 200.000đ/ngày; bồi dưỡng đi thực tế 1.000.000đ/ngày) x 10	50.000
<b>5</b>	<b>Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra thực hiện kế hoạch, nghị quyết về du lịch</b>		<b>300.000</b>
-	Xăng xe cho các xe ô tô phục vụ công tác kiểm tra xe hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nghị quyết ... trong lĩnh vực Du lịch trên địa bàn toàn tỉnh	200 lít /tháng x 17.000đ/lít x 12 tháng	40.800
-	Mua VPP (But, giấy, gim các loại)	1.000.000 đ/tháng x 12 tháng	12.000
-	Mua mực máy in p/vụ in ấn các loại văn bản, tài liệu liên quan	8 hộp/tháng x 150.000đ/hộp x 12 tháng	14.200
-	Mua mực máy phô tô phục vụ phô tô các tài liệu hướng dẫn, văn bản quy định liên quan	10 hộp x 1.000.000đ/hộp	10.000
-	Tổ chức các Hội nghị phổ biến tuyên truyền các quy định mới, kế hoạch, chiến lược phát triển của ngành của trung ương và địa phương cho các huyện, thị xã,	04 HN x 10.000.000 đ/HN	40.000
-	Chi phí cho cán bộ đi công tác, tập huấn nghiệp vụ ... (Mỗi đợt đi công tác, tập huấn từ 3-5 ngày)	2.000.000 đồng/người/lần x 10 người	20.000
-	Tiền lưu trú đi công tác; tập huấn nghiệp vụ ...	2.000.000 đồng/người/lần x 10 người	20.000
-	Chi phí công tác phục vụ các thành viên trong đoàn đi thực tế để kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc tình hình thực hiện kế hoạch, chỉ thị, nghị quyết về du lịch tại các khu điểm du lịch, các Huyện thị, thành phố	550.000 đồng/người/lần x 10 người x 06 lần/năm	33.000
-	Chi phí phục vụ tuyên truyền trực quan các chỉ thị, nghị quyết về chiến lược phát triển du lịch của ngành, trung ương và địa phương tại một số khu, điểm du lịch	50 cái băng rôn/năm x 1.000.000đ/cái	50.000
-	Chi đón tiếp và làm việc với các đoàn khách trung ương, bộ, ngành có liên qua và các cơ quan đơn vị tỉnh bạn, các phóng viên Báo, Đài TH, các nhà doanh nghiệp đến làm việc giao lưu với Sở về các lĩnh vực	20 người/đoàn x 300.000đ/người x 10 đoàn	60.000
<b>6</b>	<b>Thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch</b>	Có biểu chi tiết kèm theo	<b>9.000.000</b>
<b>C</b>	<b>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao</b>		<b>4.052.000</b>
1	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật		20.000
2	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch	Tổng hợp cả năm	4.000.000
3	Kinh phí thuê dịch vụ truyền số liệu chuyên dùng cấp		32.000
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>		<b>18.673.000</b>

**Bảng chữ: Mười tám tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu đồng./.**